

Số: /QĐ-TTPTQĐ

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt điều chỉnh đơn giá cho thuê nhà đối với các cơ sở nhà, đất
do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên quản lý, khai thác

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; Luật số 64/2020/QH14; Luật số 07/2022/QH15; Luật số 24/2023/QH15; Luật số 31/2024/QH15; Luật số 43/2024/QH15; Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm đẩy nhanh tiến độ xử lý, khai thác nhà, đất dôi dư;

Căn cứ Quyết định số 04/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 120/QĐ-TTPTQĐ ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên về việc Về việc phê duyệt đơn giá cho thuê nhà đối với các cơ sở nhà, đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên quản lý, khai thác;

Căn cứ Quyết định số 121/QĐ-TTPTQĐ ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên về việc Về việc phê duyệt đơn giá cho thuê nhà đối với các cơ sở nhà, đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên quản lý, khai thác;

Căn cứ Thông báo số 119/TB-TTPTQĐ ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên V/v cho thuê nhà do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên quản lý, khai thác;

Căn cứ Biên bản xác định cá nhân, tổ chức được quyền thuê nhà ngày 13/7/2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý và phát triển quỹ đất.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh đơn giá cho thuê nhà tại Quyết định số 120/QĐ-TTPTQĐ ngày 06 tháng 7 năm 2026 và Quyết định số 121/QĐ-TTPTQĐ ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên để tổ chức thực hiện việc cho thuê nhà đối với **13** cơ sở nhà, đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên quản lý, khai thác, cụ thể như sau:

(Chi tiết có Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Giao Phòng Quản lý và Phát triển quỹ đất chủ trì, phối hợp với phòng Hành chính – Tổng hợp niêm yết danh mục nhà đất cho thuê, giá niêm yết, giá sàn cho thuê tại trụ sở Trung tâm, tại các địa điểm có nhà, đất cho thuê, đồng thời đăng tải thông tin trên cổng thông tin điện tử của tỉnh, Cổng (Trang) thông tin điện tử của Trung tâm theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Trưởng các phòng: Hành chính - Tổng hợp, Quản lý & Phát triển quỹ đất và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tài chính (báo cáo);
- Trung tâm thông tin tỉnh (phối hợp);
- Lưu: VT, QLPTQĐ.

**TUQ. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Tiến Trữ

PHỤ LỤC 01: Danh mục điều chỉnh giảm 5% đơn giá cho thuê tại Quyết định số 120/QĐ-TTPTQĐ ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTPTQĐ ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên)

STT	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích (m ²)			Đơn giá cho thuê nhà (theo Quyết định số 120/QĐ-TTPTQĐ ngày 06/7/2026) (đồng/m ² /tháng)		Giá cho thuê nhà đối với cơ sở nhà, đất theo điểm a, khoản 3 Điều 7 Nghị quyết 31/2026/NQ-CP ngày 24/6/2026 giảm 5%		Thời hạn cho thuê nhà tối đa (năm)
		Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà	Đơn giá cho thuê nhà (đồng/m ² /tháng)	Đơn giá cho thuê nhà (đồng/m2/năm)	Đơn giá cho thuê nhà sau điều chỉnh (đồng/m ² /tháng)	Đơn giá cho thuê nhà sau điều chỉnh (đồng/m2/năm)	
1	Cơ sở nhà, đất Trụ sở Phường Phan Đình Phùng (cũ)	2.965,8	3.064,0	3.064,0	32.900	394.800	31.255	375.060	3
2	Trụ sở đa cơ quan (Chi cục Bảo vệ môi trường, Trung tâm Quan trắc TN&MT, Quỹ Bảo vệ môi trường, rừng và PCTT)	2.535,0	4.901,3	4.901,3	107.400	1.288.800	102.030	1.224.360	3
3	Trụ sở khu đa cơ quan (Chi cục QLCL nông lâm sản và thủy sản; Trạm chẩn đoán xét nghiệm, điều trị bệnh động vật, Kiểm dịch động vật)	2.517,0	2.274,0	2.274,0	45.900	550.800	43.605	523.260	3
4	Bệnh viện Chính hình và Phục hồi chức năng Thái Nguyên (cũ)	20.208,00	6.699,00	6.699,00	96.800	1.161.600	91.960	1.103.520	3
5	Trụ sở Sở Nông nghiệp và Môi trường (Trụ sở Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn cũ)	1.697,7	2.175,3	2.175,3	35.000	420.000	33.250	399.000	3
6	Trụ sở Văn phòng đăng ký đất đai Tỉnh Bắc Kạn cũ (Nay là Văn phòng đăng ký đất đai khu vực XI)	1.132,0	1.132,0	1.132,0	21.200	254.400	20.140	241.680	3
7	Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng tỉnh Thái Nguyên	5428,7	990	990	230.000	2.760.000	218.500	2.622.000	3

PHỤ LỤC 02: Danh mục điều chỉnh giảm 5% đơn giá cho thuê tại Quyết định số 121/QĐ-TTPTQĐ ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTPTQĐ ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên)

TT	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích (m ²)			Đơn giá cho thuê nhà (theo Quyết định số 121/QĐ-TTPTQĐ ngày 06/7/2026) (đồng/m ² /tháng)		Giá cho thuê nhà đối với cơ sở nhà, đất theo điểm a, khoản 3 Điều 7 Nghị quyết 31/2026/NQ-CP ngày 24/6/2026 giảm 5%		Thời hạn cho thuê nhà tối đa (năm)
		Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà	Đơn giá cho thuê nhà (đồng/m ² /tháng)	Đơn giá cho thuê nhà (đồng/m ² /năm)	Đơn giá cho thuê nhà sau điều chỉnh (đồng/m ² /tháng)	Đơn giá cho thuê nhà sau điều chỉnh (đồng/m ² /năm)	
1	Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên (trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Bình (cũ))	762,2	888,0	888,0	12.900	154.800	12.255	147.060	5
2	Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 - Thái Nguyên (trụ sở Toà án nhân dân huyện Võ Nhai (cũ))	1.320,0	715,0	715,0	12.900	154.800	12.255	147.060	5
3	Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - Thái Nguyên (trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới (cũ))	920,0	540,0	540,0	23.900	286.800	22.705	272.460	5
4	Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên (trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngân Sơn (cũ))	665,0	590,0	590,0	8.700	104.400	8.265	99.180	5
5	Cơ sở nhà, đất tại phường Bắc Kạn thuộc Thuế cơ sở 6 (trước đây là trụ sở làm việc Chi cục Thuế thị xã Bắc Kạn thuộc Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn)	1.496,0	1.299,6	1.299,6	4.900	58.800	4.655	55.860	5
6	Cơ sở nhà, đất tại xã Ngân Sơn thuộc Thuế cơ sở 7 (trước đây là trụ sở Chi cục Thuế huyện Ngân Sơn, Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn)	1.426,8	1.185,0	1.185,0	10.400	124.800	9.880	118.560	5